

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.
2. Ông Trần Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 521/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP Đ.

Địa chỉ: Tháp BIDV 194 T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L - Tổng giám đốc NGÂN HÀNG TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trình Kiên T – Giám đốc NGÂN HÀNG TMCP Đ - Chi nhánh N (theo Quyết định số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024 của NGÂN HÀNG TMCP Đ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T - Phó Giám đốc NGÂN HÀNG TMCP Đ - Chi nhánh N (theo Quyết định số 343/QĐ-BIDV.NT ngày 01/7/2024 của Giám đốc NGÂN HÀNG TMCP Đ – Chi nhánh N).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Phó Trưởng phòng quản lý rủi ro - NGÂN HÀNG TMCP Đ - Chi nhánh N (theo Quyết định số **69/QĐ.BIDV.NT**

ngày 22/01/2025 của Giám đốc NGÂN HÀNG TMCP Đ - Chi nhánh N về việc Ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự) (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 138 đường 21 tháng 8, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 01/02/2008, bà Bùi Thị B có ký với NGÂN HÀNG TMCP Đ (viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng (vay tiêu dùng, làm kinh tế phụ gia đình của CBCNV) số hợp đồng 452301/08/HĐ với số tiền vay là 40.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng, với mục đích vay Sửa nhà. Lãi suất áp dụng đối với số tiền vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và giải ngân là: 10,0% /năm. Lãi suất vay hiện nay là 10,0%/năm. Số tiền trả nợ gốc, nợ lãi là 940.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 3/2008 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Thời điểm vay tiền của Ngân hàng bà B đang công tác tại Trường tiểu học Phú Hà 2 nên đã đồng ý ủy quyền cho Ngân hàng tự động trích tài khoản cá nhân của bà B để thu nợ hàng tháng theo số tài khoản mở tại Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên. Vì vậy, NGÂN HÀNG TMCP Đ đã tiến hành khởi kiện bà B ra Tòa án.

Tính đến ngày 17/6/2025 bà B đã trả cho Ngân hàng được số tiền: 20.679.400 đồng, trong đó: Số tiền gốc đã trả: 16.755.400 đồng, số tiền lãi đã trả: 3.924.000 đồng. Còn nợ ngân hàng số tiền là 70.376.190 đồng, trong đó: Nợ gốc: 23.244.600 đồng, nợ lãi là 47.131.590 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng (không yêu cầu).

Tại bản khai ngày 17/6/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Nguyễn Văn Cảnh đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị B phải trả cho NGÂN HÀNG TMCP Đ với tổng số tiền tính đến ngày 17/6/2025 là 70.376.190 đồng, trong đó: Nợ gốc: 23.244.600 đồng, nợ lãi là 47.131.590 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng (không yêu cầu) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 18/6/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Bị đơn bà Bùi Thị B: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B nhưng bà B không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG TMCP Đ. Buộc bà B phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 17/6/2025 là 70.376.190 đồng, trong đó: Nợ gốc: 23.244.600 đồng, nợ lãi là 47.131.590 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 18/6/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

NGÂN HÀNG TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị B phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 01/02/2008, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 16/6/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Bùi Thị B phải trả số tiền gốc và lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và bà B trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Sau khi ký hợp đồng bà B đã nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, bà B có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng trên cơ sở Ngân hàng tự động trích tài khoản cá nhân của bà B để thu nợ hàng tháng theo số tài khoản bà B mở tại Ngân hàng nhưng trong quá trình vay bà B chỉ trả được số tiền 20.679.400 đồng, trong đó: Số tiền gốc đã trả: 16.755.400 đồng, số tiền lãi đã trả: 3.924.000 đồng, sau đó bà B không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005), quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Căn cứ Điều 11 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung quyết định về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng: *“Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng.”

Do đó, có cơ sở khẳng định bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bà B là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng nhưng bà B không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà B đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/6/2025) tổng cộng là 70.376.190 đồng, trong đó: Nợ gốc: 23.244.600 đồng, nợ lãi là 47.131.590 đồng là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết và các điều khoản của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà B còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 18/6/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398, Điều 463, 466, 468 và Điều 470, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các điều 49, 51, 54, 56 Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997.
- Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG TMCP Đ.

Buộc bà Bùi Thị B phải trả cho NGÂN HÀNG TMCP Đ số tiền tổng cộng là 70.376.190 đồng (Bằng chữ: bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 23.244.600 đồng, nợ lãi là 47.131.590 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2025), bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

Bà Bùi Thị B phải chịu 3.518.809 đồng (ba triệu năm trăm mười tám nghìn tám trăm linh chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho NGÂN HÀNG TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.957.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003369 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang – Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệu